

SEMINAR TRAO ĐỔI HỌC THUẬT

TÔI ĐI HỌC, ĐI DU HỌC, ĐI LÀM KHOA HỌC VÀ GIẤC MƠ VIỆT NAM TÔI

Người trình bày: **GS, TSKH. Nguyễn Đăng Hưng¹**

Ngày: 20/03/2015

GS, TSKH. Nguyễn Đăng Hưng mở đầu buổi trao đổi với chia sẻ về giấc mơ Việt Nam của ông, về việc xây dựng thế hệ trẻ và giỏi, đã hình thành từ những năm ông còn ngồi trên ghế nhà trường. Kể về thời thơ ấu trước khi đi du học, GS. Hưng cho biết ông sinh ra và lớn lên ở Điện Bàn, Quảng Nam, trong thời kỳ đất nước bắt đầu những năm chiến tranh. Khi chiến tranh nổ ra, ông theo cha đến vùng tự do. Sau thời gian di tản, di trú nhiều nơi khác nhau ở vùng Tam Kỳ, Tiên Phước (Quảng Nam), ông được cha gửi vào tá túc tại nhà một người chú ruột ở Sài Gòn để được học tập. Đến khi vào học tại trường Trung học Petrus Ký, ông mới lần đầu tiên được học bài bản. Ông cho biết, các trường trung học thời đó như Gia Long (Nguyễn Thị Minh Khai ngày nay), Petrus Ký (Lê Hồng Phong ngày nay) tổ chức chương trình học rất đa chiều, giúp hình thành cho học sinh kiến thức khá phong phú, đầu óc phê phán và tính tự chủ rất cao. Học sinh khi ấy không chỉ giỏi về toán học, vật lý mà còn có hiểu biết về khoa học, nhân văn, khả năng ứng xử. Nhờ nền tảng giáo dục này mà ông và các du học sinh khác có thể tiếp cận chương trình học và môi trường sống của các nước tiên tiến rất nhanh và khá dễ dàng, không thấy sự thua thiệt, mặc cảm về kiến thức như các du học sinh bây giờ. GS. Hưng cũng chia sẻ về phương pháp học ngoại ngữ ngày ấy. Ông cho rằng cách học ngoại ngữ ở Việt Nam hiện nay quá “tù chương”,

¹ Tiến sĩ khoa học đặc biệt về khoa học ứng dụng (1984), Trường Đại học Liège, Bỉ. Hiện là giáo sư danh dự thực thụ Trường ĐH Liège, tổng giám đốc sáng lập doanh nghiệp tư nhân Công nghệ Thông tin Hưng Việt, tổng biên tập tạp chí khoa học APJCEN.

trong khi đó ngoại ngữ phải học thực tiễn, học bằng “thính thị”. Từ thời của GS. Nguyễn Đăng Hưng, lớp học ngoại ngữ đã có những buổi học chỉ sử dụng tiếng Pháp giữa thầy và trò, không dùng tiếng Việt. Ông và bạn học thường viết thư trò chuyện với người phương Tây để thực hành tiếng Pháp, Anh. Ông còn cho rằng, cách học ngoại ngữ tốt nhất là học hát theo thứ tiếng đó. Ngày đó, ông thường nghe chương trình hát nhạc ngoại quốc trên radio và có thể thuộc bài hát sau 2 lần nghe, dần dần hình thành vốn ngoại ngữ.

Là con nhà nghèo nên ông luôn ý thức phải lấy cho bằng được học bổng để tiếp tục theo đuổi con đường học thuật tại các nền giáo dục tiên tiến. Thời đó, chính sách học bổng chỉ dành cho những học sinh ưu tú nhất, đỗ tú tài rất cao và từ 19 tuổi trở xuống. Khi bắt đầu học tại Petrus Ký, ông lập kế hoạch cho bản thân để bù đắp những mất mát thời thơ ấu, học nhảy cóc để kịp lấy bằng tú tài toàn phần trước năm 19 tuổi. Kết quả là ông đã nhận được bằng tú tài năm 18 tuổi, trước các bạn học 1 năm. Do ngành y mà GS. Hưng dự định theo học đã được đào tạo tốt trong nước nên sinh viên ngành này không được cấp học bổng du học, ông phải đăng ký học ngành kỹ thuật và nhận được học bổng du học tại Bỉ. Khi học tại Bỉ, ông và hai người bạn của mình từ Việt Nam là 3 trong 5 người đậu cao nhất vào Trường Đại học Liège năm đó và luôn là những sinh viên giỏi nhất của lớp. Thời điểm ông chọn ngành học cũng là lúc Nga phóng thành công vệ tinh Sputnik lên quỹ đạo, gây tiếng vang toàn cầu. Với đầu óc lãng mạn, mơ tới trăng sao, vũ trụ, ông chọn học ngành Vật lý Hàng không Không gian mà không suy nghĩ đến ngành không gian ở Việt Nam trong tương lai sẽ phát triển hay không.

Ngay trong thời gian học đại học, ông đã nghĩ đến “Giấc mơ Việt Nam”, ông muốn sau khi học xong, chỉ làm việc tại Bỉ 2-3 năm, sau đó sẽ về Việt Nam phục vụ đất nước. Đó là lý do tại sao ông từ chối vị trí trợ lý giáo sư tại Liège, mặc dù vị trí này hứa hẹn sẽ giúp ông trở thành giáo sư trong tương lai tại ĐH Liège, mà chỉ chọn làm nghiên cứu sinh theo dự án. Tuy nhiên, Giấc mơ Việt Nam của ông gặp nhiều trở ngại vì khi dự án chấm dứt, năm 1968, chiến tranh ở Việt Nam không những không chấm dứt mà còn ngày càng dữ dội hơn. Không thể về Việt Nam làm việc, ông ứng tuyển vào Trung tâm vũ trụ hàng không không gian châu Âu tại Hà Lan dưới sự tiên cử của vị giáo sư, nhưng không được. Lý do là vì Trung tâm này có một phần tài chính do Mỹ tài trợ, trong khi trước đó, ông đã tham gia biểu tình chống Mỹ trước cửa đại bản doanh NATO tại

Brussels, Bỉ. Sau đó, trước nguy cơ bị thất nghiệp, ông trở lại xin làm trợ lý cho một giáo sư Khoa xây dựng, trở thành một giảng viên đại học và nhà nghiên cứu về các công trình xây dựng.

Đến ngày hòa bình lập lại 1975, Giác mơ Việt Nam lại lóe sáng trong ông. Tết Bính Thìn 1976, ông theo phái đoàn Việt kiều về Việt Nam và hè năm 1977, ông về thỉnh giảng tại ĐH Giao thông vận tải tại Hà Nội do Ủy ban Khoa học Kỹ thuật Nhà nước tổ chức. Trong lần tham quan Hạ Long gặp các trẻ em trên bến phà Bạch Đằng, hay nhìn các em đáng giày tại đường phố Sài Gòn đã gọi cho ông nhớ về thời thơ ấu khó khăn, ông tự nghĩ phải có bổn phận làm gì đó để giúp các em. Nhưng trong chuyến về thỉnh giảng khoa học lần cuối cùng năm 1979, ông chứng kiến cảnh bế tắc kinh tế. Bạn ông, một kỹ sư cầu đường tốt nghiệp tại Paris (Pháp), không có việc làm và phải đập xích lô kiếm sống. Trước hoàn cảnh vô vọng đó cho phát triển khoa học, ông trở lại Bỉ với quyết định sẽ không về lại Việt Nam nữa, trừ khi đất nước có những thay đổi vì lúc đó ông không nhìn thấy được tương lai ở nơi này. Sau đó, ông xin vào quốc tịch Bỉ, qua Congo thỉnh giảng đại học ngành xây dựng. Tại đây, ông gặp nhiều người bạn từ Sài Gòn, đã đi di tản sang các nước Pháp, Mỹ, Tây Âu, cũng sang Congo tác nghiệp để nguôi nhớ Việt Nam vì khung cảnh và khí hậu ở đây khá giống Việt Nam. Họ ngồi lại và ngậm ngùi với nhau về hoàn cảnh lúc đó: những người Việt Nam ưu tú lại sang giúp đỡ người dân Congo thay vì trở về Việt Nam phục vụ đất nước như ao ước của họ.

Với sự tư vấn của người thầy, để trở thành giáo sư thường trực thì phải có học vị tiến sĩ, ông đã rời Congo trở lại Bỉ để chuẩn bị luận án và sau đó được nhận bằng Tiến sĩ khoa học đặc biệt về khoa học ứng dụng. Sau đó, ông trở lại Khoa Kỹ thuật Hàng không Không gian, làm chủ nhiệm bộ môn Cơ học phá hủy, trở thành giáo sư thực thụ và đào tạo rất nhiều học trò ở cấp bậc tiến sĩ đến từ nhiều quốc gia khác nhau, trong đó có Việt Nam.

Sau chính sách đổi mới 1986, Việt Nam không còn cấm vận, GS. Hưng đã đề xướng các dự án do chính phủ Bỉ hay cộng đồng nói tiếng Pháp hay sau này là Liên Hiệp Châu Âu tài trợ để đào tạo Thạc sĩ, Tiến sĩ trong nước với mong muốn gây dựng được thế hệ các thầy trẻ, giỏi để phát triển đất nước. Ông đã có kinh nghiệm điều phối vì đã tham gia mở chương trình đào tạo cao học liên Châu Âu với sự hợp tác của 13 trường đại học lớn tại các nước châu Âu, trong đó sinh viên có thể học mỗi 3 tháng tại một quốc gia, khi học đủ các tín chỉ thì sẽ được cấp bằng Thạc sĩ. Theo ông, cao học nên đào tạo những người nghiên cứu, và điều đó đòi hỏi các giảng viên phải

là những nhà nghiên cứu có năng khiếu. Trong điều kiện Việt Nam hiện nay, để đào tạo cao học được như vậy cần có sự hợp tác quốc tế với các trường đại học trên thế giới. Với sự tài trợ của chính phủ Bỉ, ông mở chương trình đào tạo cao học Việt – Bỉ ở ĐH Bách Khoa TP HCM (3 năm sau mở tại ĐH Bách Khoa Hà Nội), và mời các giáo sư trong nước và từ châu Âu về giảng dạy. Giác mơ Việt Nam của ông đã bắt đầu được thực hiện. Sau 12 khóa ở TP HCM và 8 khóa ở Hà Nội, đã có 318 thạc sỹ có bằng quốc tế, trong đó có 75 tiến sỹ đã bảo vệ thành công luận văn tiến sỹ tại các nước tiên tiến. Không chỉ hỗ trợ đào tạo, GS. Hưng cũng tổ chức các Hội thảo quốc tế và huy động tài trợ của các nước để thực hiện những dự án nghiên cứu, phát triển kỹ thuật trong nước.

Kết thúc phần trình bày, GS. Nguyễn Đăng Hưng nhấn nhủ đến thế hệ trẻ rằng khi đi học hay nghiên cứu khoa học, chúng ta cần có tinh thần lao động nghiêm túc, tự học là chính và cần có kế hoạch chi tiết cho mọi việc (từ việc học, tổ chức hội thảo đến thực hiện các nghiên cứu khoa học). Điều quan trọng là cần chọn môn học và chọn thầy cho đúng, thầy có giỏi thì trò mới giỏi. Ông chia sẻ, trong nghiên cứu khoa học, hiểu biết là cần thiết nhưng trí tưởng tượng là quyết định vì nếu chỉ có hiểu biết mà không có trí tưởng tượng sẽ không thể sáng tạo ra cái mới. Đây là một hạn chế của Việt Nam hiện nay, chúng ta có rất ít bằng sáng chế và có bằng sáng chế cũng chưa chắc đem lại giá trị kinh tế, trong khi đó các bằng sáng chế ở Mỹ, Nhật rất có giá trị, đem lại thu nhập cao cho những nhà nghiên cứu. Để thúc đẩy sự phát triển nghiên cứu khoa học, cần xây dựng môi trường nghiên cứu khoa học dân chủ, thân thiện và tự do. Ngoài ra, điều quan trọng là cần tôn trọng tuyệt đối tính trung thực trong sinh hoạt khoa học, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của nhà khoa học. Ông khẳng định rằng, trong khoa học mà không có sự trung thực thì không bao giờ phát triển được. Ngoài ra, chúng ta cần công bố các nghiên cứu khoa học ra bên ngoài, tăng cường giao lưu quốc tế để có thể hội nhập vào nền khoa học của thế giới.

THẢO LUẬN

Như nhiều người trẻ khác, một khách mời chia sẻ băn khoăn của mình: “Một người làm khoa học, để theo đuổi sự nghiệp nghiên cứu lâu dài thì cần điều gì vì thu nhập của các nhà nghiên cứu ở Việt Nam rất thấp? Và nếu muốn huy động kinh phí nghiên cứu một dự án từ các quỹ tài trợ nước ngoài thì cần quan tâm đến những điều gì?” GS. Hưng cho rằng để nghiên cứu khoa

học, cần nhất là niềm đam mê. Ông thẳng thắn chia sẻ, nếu làm khoa học chỉ để kiếm tiền thì không nên làm. Tuy nhiên, nếu nghiên cứu khoa học tốt, thì niềm đam mê này vẫn có thể nuôi sống được người nghiên cứu. Có rất nhiều tổ chức trong và ngoài nước có quỹ dành riêng để tài trợ cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, sẵn lòng chi trả các chi phí nghiên cứu đem lại ứng dụng thực tế cao, vì điều này cũng giúp họ có danh tiếng và lợi nhuận. Các Bộ ngành trong nước và các tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế Giới cũng có nhiều chương trình tài trợ cho các nghiên cứu phát triển ở Việt Nam với giá trị lớn. Như vậy, chỉ cần nghiên cứu nghiêm túc, thực chất và tạo ra được thành quả tốt thì sẽ không phải lo lắng về việc tài trợ cho nghiên cứu và thu nhập cho bản thân.

Một khách mời thảo luận về vấn đề ở Việt Nam hiện nay, số đông người giỏi sau khi du học không muốn về phục vụ đất nước mà chọn ở lại nước ngoài để làm việc. GS. Hưng lý giải rằng, mỗi thế hệ đều có những thái độ ứng xử tùy theo ý thức xã hội mà thế hệ ấy nhận được qua giáo dục, nhất là qua kinh nghiệm bản thân, qua thời cuộc. Việc các bạn trẻ chọn du học nhưng không quay lại phục vụ quê hương cũng tùy hoàn cảnh cá nhân, giáo dục gia đình. Để thu hút được người tài quay về đóng góp cho đất nước, không cách nào khác là phải cải thiện môi trường trong nước, chấm dứt nạn chức quyền thân hữu để cơ cấu người bất tài vẫn còn khá phổ biến.

Một khách mời khác cho rằng, ở các nước phát triển thì quyền lực khoa học (như quyền trao học bổng, xét duyệt đề tài nghiên cứu được tài trợ, ...) thuộc về những giáo sư, những nhà nghiên cứu hàng đầu của mỗi ngành. Nhưng ở Việt Nam, điều này gần như chưa đạt được. Như vậy, khi nào thì quyền lực khoa học mới được trao cho các nhà khoa học và nghiên cứu khoa học ở Việt Nam khi nào mới có thể phát triển? GS. Hưng cho rằng, hiện nay, các ý thức sai lầm trong quản lý khoa học, giáo dục ở Việt Nam đã bắt đầu được thừa nhận. Ta đã đề cao các nghiên cứu mang tầm quốc tế, và từ đó có những đổi thay trong nghiên cứu khoa học ở Việt Nam. Tuy vậy, quá trình này còn quá chậm. Việt Nam có hoàn cảnh và xuất phát điểm tương đồng như Hàn Quốc, cũng trải qua chiến tranh, nghèo đói... Nhưng hơn 40 năm qua Hàn Quốc đã đầu tư cho giáo dục, công nghệ và đã trở thành một cường quốc. Trong khi đó, nền khoa học công nghệ Việt Nam hiện tại vẫn đang còn tụt hậu và bị bỏ lại phía sau. Gần đây, chúng ta mới có chủ trương đổi mới toàn diện giáo dục để cải thiện chất lượng đào tạo vì giáo dục không tốt sẽ tạo ra hàng loạt những

thế hệ kém năng lực. Như vậy, chất lượng nghiên cứu khoa học của Việt Nam sẽ còn phụ thuộc vào kết quả đổi mới và năng lực, ý chí của những người thực hiện việc cải tổ.

Thứ sáu, ngày 20 tháng 03 năm 2015

Thư ký Seminar

Doãn Thị Thanh Thủy